Người ký: Sở Giao thông vận tải
Email: sgtvt@hagiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Giang
Chức vụ: VĂN THƯ SỞ GTVT
Thời gian ký: 29.03.2020 18:34:09 +07:00

THÔNG BÁO
Về việc các phương tiện vận tải hành khách tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng dịch Covid-19

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Tỉnh ủy và UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trên địa bàn và báo cáo của Bến xe khách phía Nam, thành phố Hà Giang; Sở GTVT tổng hợp các đơn vị, tuyến vận tải hành khách tạm ngừng hoạt động vận chuyển khách trong thời gian dịch Covid-19, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị vận tải	Biển kiểm soát	Bến đi	Bến đến
1	HTX VT Trần Phú	23B-003.05	Hà Giang	Mỹ Đình
2		23B-004.35		
3		23B-003.78		
4		23B-005.20		
5		23B-003.16		
6		23B-003.73		
7	HTX VT Thành Công	23B-004.77		
8		23B-004.74		
9		23B-002.94		
10		23B-005.33		
11		23B-000.01		
12		23B-000.15		
13		23B-004.90		
14		23B-000.65		
15	HTX VT Trần Phú	23B-003.19	Hà Giang	Gia Lâm
16		23B-002.93		
17		23B-004.51		
18		29B-607.07		
19		23B-004.72		
20		23B-003.12		
21		23B-005.44	Hà Giang	Sơn Tây
22		23B-005.27		
23	HTX VT Thành Công	23B-001.69	Hà Giang	Thái Nguyên
24		23B-005.21	Hà Giang	Bảo Lâm

25	HTX VT Trần Phú	23T-2162	Hà Giang	Phúc Yên
26		23B-004.55	Hà Giang	Thanh Thủy
27		23B-005.19	Hà Giang	Bắc Giang
28		23B-005.01		
29	HTX VT Thành Công	23B-005.41	Hà Giang	Cửa Ông
30		23B-004.04		
31	HTX VT Trần Phú	23T-2199	Hà Giang	Tuyên Quang
32		23B-001.19		
33		23B-004.05	Hà Giang	Hòa Bình
34		23B-004.06		
35		23B-003.07	Hà Giang	Lạng Sơn
36	HTX VT Thành Công	23B-004.28		
37		23B-005.04		
38	HTX VT Trần Phú	23B-001.52	Hà Giang	Sa Pa
39		23B-005.92		
40	HTX DVVT Cầu Mè	23B-002.31		
41		23B-001.60		
42	HTX VT Ngọc Hạnh	23B-004.98	Hà Giang	Đồ Sơn
43		23B-004.85		
44	HTX DVVT Cầu Mè	23T-1865	Hà Giang	Quản Bạ
45	HTX VT Kiên Cường	23B-005.97	Hà Giang	Đồng Văn
46		23B-000.14		
47	HTX VT Thành Công	23B-001.46		
48		23B-003.51		
49	HTX VT Trần Phú	23B-004.88		
50	HTX VT Thành Công	23B-003.92	Đồng Văn	Tuyên Quang
51	HTX VT Kiên Cường	23B-004.06	Hà Giang	Mèo Vạc
52		23B-003.84		
53		23B-004.60		
54		23B-003.64		
55	HTX VT Thành Công	23B-003.47		
56	HTX VT Trần Phú	23B-001.05	Hà Giang	Yên Minh

57	HTX VT Thành Công	23B-003.79	Hà Giang	Yên Minh
58		23T-2425		
59		29B-408.11		
60	HTX VT Thành Công	23B-004.37	Hà Giang	Bắc Mê
61		23B-000.76		
62	HTX VT Trần Phú	23B-000.28		
63	HTX VT Trần Phú	23B-003.96	Hà Giang	Quang Bình
64	HTX VT Trần Phú	23B-002.73	Hà Giang	Đồng Yên
65	HTX VT Trần Phú	23B-001.47	Hà Giang	Xuân Giang
66		23B-003.38		
67		23B-001.38		
68	HTX VT Trần Phú	23B-003.87	Hà Giang	Nà Chì
69	HTX VT Trần Phú	23B-002.12	Hà Giang	Xín Mần
70	HTX VT Thành Công	23B-003.70		
71		23B-000.18		
72		23B-003.00		
73		23B-002.76		
74	HTX VT Trần Phú	23B-003.29	Hà Giang	Hoàng Su Phì

(*Số liệu cập nhật đến ngày 28 tháng 03 năm 2020)*